|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 12 – SỐ 2** |

**Câu 1: Con đường bộ đi qua 6 vùng lãnh thổ của nước ta là:**

**A.** Quốc lộ 1 **B.** Quốc lộ 2 **C.** Đường Hồ Chí Minh **D.** quốc lộ 14

**Câu 2. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở vùng Đồng bằng sông Hồng diễn ra theo hướng:**

A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

B. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng ngành thủy sản thay đổi không đáng kể.

D. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, tăng nhanh tỉ trọng ngành thủy sản.

**Câu 3. Thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là:**

A. Sông Chu. B. Sông Mã. C. Sông Gâm. D. Sông Đà

**Câu 4: Ý nghĩa quan trong nhất của việc đẩy mạnh sản xuất lương thực ở nước ta là:**

**A.** Tạo nguồn hàng xuất khẩu. **B.** Đảm bảo lương thực cho hơn 90 triệu dân.

**C.** Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. **D.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

**Câu 5. Quốc lộ 5 chạy qua các tỉnh, thành phố:**

A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng

B. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh

C. Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng

D. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình.

**Câu 6. Đất phe-ra-lit ở nước ta thường bị chua vì :**

A. Có sự tích tụ nhiều Fe2O3.

B. Có sự tích tụ nhiều Al2O3.

C. Mưa nhiều trôi hết các chất badơ dễ tan.

D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

**Câu 7: Dựa vào atslat trang 20. Năm 2007 diện tích rừng trồng chiếm bao nhiêu % trong tổng diện tích rừng của nước ta?**

**A.** 20% **B.** 22% **C.** 24% **D.** 26%

**Câu 8: Dựa vào át lát trang 22, Năm 2007 ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm chiểm bao nhiêu % trong toàn bộ ngành công nghiệp?**

**A.** 24,9 **B.** 25,3 **C.** 23,5 **D.** 23,7

**Câu 9. Các ngành công nghiệp chủ yếu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:**

A. cơ khí, chế biến nông – lâm – thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

B. dầu khí, chế biến nông – lâm – thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

C. hóa chất, chế biến nông – lâm – thủy sản, sản xuất vật liệu hàng tiêu dùng.

D. vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 10. Các nhà máy thủy diện: Sông Hinh, Vĩnh Sơn, Hàm Thuận lần lượt thuộc các tỉnh:**

A. Phú Yên, Bình Thuận, Ninh Thuận B. Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận

C. Bình Thuận, Vĩnh Sơn, Phú Yên D. Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận

**Câu 11: Vùng biển nước ta rất giàu nguồn lợi hải sản với tổng tữ lượng vào khoảng:**

**A.** 3,9 – 4 triệu tấn **B.** 2-3 triệu tấn **C.** 3 – 3,5 triệu tấn **D.** trên 4 triệu tấn

**Câu 12: Cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta trong một số năm qua có sự chuyển dịch theo hướng:**

**A.** Giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng

**B.** tỉ trọng khai thác, tỉ trọng nuôi trồng đều tăng

**C.** Tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng

**D.** tỉ trọng khai thác, tỉ trọng nuôi trồng đều giảm

**Câu 13: Các nhà máy điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì :**

**A.** Xây dựng cần vốn lớn

**B.** nhu cầu về điện ở miền Nam không cao như miền Bắc

**C.** gây ô nhiễm môi trường

**D.** xa nguồn nguyên liệu

**Câu 14: Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy sản ở nước ta là:**

**A.** khí hậu nhiệt đới gió mùa.

**B.** môi trường để nuôi trông thủy sản ngày càng được cải thiện.

**C.** Đường bờ biển dài, nhiều ngư trường lớn, nguồn lợi hải sản phong phú.

**D.** có nhiều sông lớn, nhiều diện tích ao hồ, đầm, vũng vịnh

**Câu 15: Dựa vào át lat trang 22. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện năm 2007 so với năm 2000 là :**

**A.** 40,1% **B.** 240,1% **C.** 140,1% **D.** 64,1%

**Câu 16. Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành đánh bắt hải sản, nhờ có:**

A. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.

B. Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.

C. Nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt.

D. Phương tiện đánh bắt hiện đại.

**Câu 17: Dựa vào biểu đồ tròn trong át lát trang 18, bán kính vòng tròn năm 2007 gấp mấy lần bán kính vòng tròn năm 2000?**

**A.** 1,8 **B.** 1,4 **C.** 1,6 **D.** 1,2

**Câu 18: Tỉnh dẫn đầu cả nước về thủy sản khai thác là:**

**A.** An Giang **B.** Đồng Tháp **C.** Kiên Giang **D.** Nha Trang

**Câu 19: Con đường bộ quan trọng đối với Tây Nguyên là :**

**A.** quốc lộ 1 **B.** quốc lộ 51 **C.** quốc lộ 24 **D.** quốc lộ 14

**Câu 20. Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?**

A. 4. B. 5. C. 6. D. 7

**Câu 21.Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là :**

A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn. C. Đồng bằng sông Hồng. D. Cà Mau.

**Câu 22: Vùng có sản lượng lúa cao nhất nước ta hiện nay là:**

**A.** các cánh đồng ở Trung du miền núi Bắc Bộ.

**B.** Các đồng bằng ven biển

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 23. Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là :**

A. Sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.

B. Miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.

C. Sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.

D. Sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.

**Câu 24: Cây cao su được trồng nhiều nhất ở vùng:**

**A.** Tây Nguyên **B.** Trung du miền núi Bắc Bộ

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Bắc Trung Bộ

**Câu 25. Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ :**

A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

B. Nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.

C. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.

D. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

**Câu 26. Sự đa dạng về bản sắc dân tộc do nước ta là nơi:**

A. Có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn á, Âu với văn minh bản địa

B. Đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động

C. Giao nhau của các luồng sinh vật Bắc, Nam

D. Giao tiếp của hai vành đai sinh khoáng lớn

**Câu 27. Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng đồi núi Tây Bắc và Đông Bắc là:**

A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế B. Nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam

C. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên D. Có nhiều khối núi cao, đồ sộ.

**Câu 28.** Đặc điểm Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta

A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².

C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.

D. Có thềm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa

**Câu 29. Một trong các thế mạnh về kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là phát triển:**

A. Cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả nhiệt đới.

B. Cây lương thực, cây thực phẩm, cây đặc sản vụ đông.

C. Cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

D. Cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, trồng rừng.

**Câu 30. Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên cần phải:**

A. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.

B. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng

C. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển

D. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng

**Câu 31: Trong cơ cấu giá trị sản xuất của khu vực I ( nông – lâm – ngư nghiệp) tỉ trọng ngành nông nghiệp có xu hướng:**

**A.** tăng giảm thất thường **B.** ổn định **C.** tăng nhanh **D.** Giảm sút

**Câu 32. Các tỉnh, thành phố *không thuộc* vùng Bắc Trung Bộ là:**

A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình

C. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế D. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

**Câu 33. Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:**

A. Công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến vùng tiêu thụ.

B. Dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.

C. Trình độ chăn nuôi còn thấp kém, khâu chế biến chưa phát triển.

D. Ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.

**Câu 34. Thế mạnh nổi bật về dân cư, lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng là:**

A. dân đông, nguồn lao động lớn nhất cả nước.

B. dân đông, lao động có trình độ thâm canh cao nhất cả nước.

C. tỉ lệ dân đô thị cao, mạng lưới đô thị dày đặc.

D. dân động, nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm và trình độ.

**Câu 35. Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường :**

A. Nằm cách bờ biển 12 hải lí.

B. Nối các điểm có độ sâu 200 m.

C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.

D. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

**Câu 36. Điểm cực Nam của nước ta là xã Mũi đất thuộc tỉnh**

A.Bạc liêu B.Cà mau C. Sóc Trăng D.Kiên giang

**Câu 37. Do nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có:**

A. Khí hậu ôn đới, dễ chịu B. Sinh vật đa dạng

C. Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn D. Đất đai rộng lớn và phì nhiêu

**Câu 38. Vùng đồi trước núi của vùng Bắc Trung Bộ có thế mạnh về:**

A. chăn nuôi trâu bò, trồng cây công nghiệp lâu năm.

B. trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm.

C. trồng rừng bảo vệ môi trường sinh thái.

D. chăn nuôi trâu bò, trồng cây lương thực, thực phẩm.

**Câu 39. Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là do:**

A. Phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các đá mẹ khác.

B. Có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.

C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.

D. Có nhiều trồng cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.

**Câu 40. Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi:**

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam